

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/DS-ST

Ngày 03 tháng 7 năm 2018

“Về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Minh Tân, bà Lê Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 03/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2017/TLST- DS, ngày 20 tháng 11 năm 2017, về Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 08/2018/QĐ-ST, ngày 18 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị B, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ 1, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Thôn T, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

*** Người làm chứng:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn T, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và phiên hoà giải nguyên đơn bà Bùi Thị B trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, nên bà B có đến hỏi vay tiền chị. Chị có cho bà B vay tổng số tiền là 25.000.000đồng, cụ thể:

Lần 1: Bà B vay số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 16/10/2012, có viết giấy vay tiền, do bà B trực tiếp viết, thời hạn vay trong 01 tháng, lãi suất do hai bên thỏa thuận không ghi trong giấy, thực tế thỏa thuận miệng là 2% trên tháng. Từ khi vay đến nay bà B có trả cho chị một số lần tiền lãi, lúc thì 200.000đ, lúc thì 300.000 đồng, tổng số khoảng 500.000đ đến 600.000đ chị không nhớ chính xác vì thời gian đã lâu.

Lần 2: Bà B vay 10.000.000 đồng vào ngày 15/4/2015, bà B có viết giấy vay tiền, thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng, không thỏa thuận lãi suất trong giấy vay tiền mà thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng.

Lần 3: Bà B vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 15/6/2015, bà B trực tiếp viết giấy vay tiền, không thỏa thuận thời hạn trả tiền và lãi suất trong giấy vay tiền, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng.

Từ khi vay số tiền lần thứ 2 và lần thứ 3 bà B không trả cho chị số tiền gốc và tiền lãi nào, chị đã điện thoại và vào nhà bà B đòi tiền nhiều lần, nhưng bà B không trả tiền cho chị. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà B phải trả cho chị số tiền gốc là 25.000.000 đồng và số tiền suất theo quy định.

- Tại bản tự khai và phiên hoà giải bị đơn bà Hoàng Thị B trình bày: Bà có vay tiền của chị B 03 lần, tổng số tiền là 25.000.000đ, cụ thể:

Lần 1: Bà vay của chị B số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 16/10/2012, bà có viết giấy vay tiền (nhưng ghi nhầm thành ngày 16/10/20002), thỏa thuận thời hạn vay trong 01 tháng, lãi suất do hai bên thỏa thuận, không ghi trong giấy, thực tế lãi suất thỏa thuận miệng là 3.000đ/1.000.000đ/ngày, một thời gian sau chị B tính lãi 5.000đ/1.000.000đ/ngày. Đối với khoản vay lần thứ nhất, hàng tháng bà vẫn trả lãi cho chị B. Đến khoảng tháng 10/2013 bà đã trả cả gốc và lãi cho chị B, tổng cả gốc và lãi là 28.000.000đ. Khi trả lãi và gốc không viết giấy tờ gì. Việc bà trả 10.000.000đ tiền gốc và 1.500.000đ tiền lãi là do bà đưa tiền cho con gái bà là Nguyễn Thị N trả vào khoảng tháng 10/2013.

Lần 2: Bà vay của chị B số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 15/4/2015, bà trực tiếp viết giấy vay tiền, thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng, không thỏa thuận lãi suất trong giấy vay tiền mà thỏa thuận miệng lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày.

Lần 3: Bà vay của chị B số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 15/6/2015, bà trực tiếp viết giấy vay tiền, không thỏa thuận thời hạn trả tiền và lãi suất trong giấy vay tiền, lãi suất thỏa thuận miệng là 5.000đ/1.000.000đ/ngày.

Đối với khoản vay lần 2 và lần 3 từ ngày vay đến nay, bà đã trả được một số tiền lãi, nhưng bao nhiêu tiền thì bà không nhớ, khi trả tiền lãi hai bên không viết giấy tờ gì.

Nay chị B yêu cầu bà trả 25.000.000đ tiền gốc và tiền lãi, bà không nhất trí. Vì bà đã trả cho chị B số tiền vay lần 01 cả gốc và lãi là 28.000.000 đồng vào khoảng tháng 10/2013.

Hiện bà còn nợ chị B số tiền gốc vay lần 02 và lần 03 là 15.000.000 đồng, bà nhất trí trả cho chị B và tiền lãi theo quy định.

- Tại biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị là con gái của bà Hoàng Thị B, với chị Bùi Thị B chỉ là chỗ quen biết, không có mâu thuẫn gì. Về thời gian chị không nhớ, chị chỉ biết mẹ chị là bà B có vay của chị B 10.000.000 đồng, để cho chị. Việc vay tiền có viết giấy tờ gì không thì chị không biết, chị chỉ biết lãi suất thỏa thuận miệng là 3.000đ/1 triệu/ngày, sau hai tháng lên 5.000đ/1 triệu/ngày. Sau thời gian khoảng một năm mẹ chị đã đưa cho chị đi trả chị B số tiền gốc là 10.000.000đ, tiền lãi là 1.500.000đ, tổng cộng là 11.500.000đ, về thời gian trả tiền chị không nhớ cụ thể, chị nhớ trả vào buổi chiều, khi trả tiền 2 bên không viết giấy biên nhận trả tiền, nhưng chị nhớ là đã viết vào giấy vay

tiền là đã trả tiền và gạch giấy vay tiền giữa mẹ chị và chị B, nhưng không xé giấy vay tiền. Ngoài việc vay số tiền 10.000.000đ chị không biết, không chứng kiến việc vay nợ nào khác giữa mẹ chị và chị B.

Tại phiên toà chị B xác định chị cho bà B vay tổng số tiền là 25.000.000đ, lần 1: Bà B vay số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 16/10/2012, Lần 2: Bà B vay 10.000.000 đồng vào ngày 15/4/2015, Lần 3: Bà B vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 15/6/2015, bà B trực tiếp viết giấy vay tiền, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Từ khi vay tiền đến nay bà Bắc không trả cho chị được số tiền gốc và tiền lãi nào, chị đã điện thoại và vào nhà bà B đòi tiền nhiều lần, nhưng bà B không trả tiền cho chị. Đối với khoản vay tiền lần 1, có lần bà B cầm khoảng 500.000 đồng đến 600.000 đồng trả lãi cho chị, nhưng chị không nhận tiền lãi, khi nào trả đủ chị mới nhận, khi hoà giải chị nhớ nhầm là có nhận 500.000 đồng đến 600.000 đồng tiền lãi. Nay chị yêu cầu bà B phải trả cho chị số tiền gốc là 25.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên toà bà B xác định đúng là bà có vay tiền của chị B 3 lần, Lần 1: Bà vay của chị B số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 16/10/2012, Lần 2: Bà vay của chị B số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 15/4/2015, Lần 3: Bà vay của chị B số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 15/6/2015. Các lần vay bà trực tiếp viết giấy vay tiền, lãi suất vay lần 01 hai tháng đầu là 3.000đ/1.000.000đ/ ngày, 10 tháng sau chị B tăng lên 5.000đ/1.000.000đ/ngày. Lãi suất khoản vay lần 2 và lần 3 là 5.000đ/1.000.000đ/ngày. Đối với khoản vay lần thứ nhất, hàng tháng bà vẫn trả lãi cho chị B, hai tháng đầu là 900.000đ/tháng, 10 tháng sau là 1.500.000đ/tháng, khi trả lãi không viết giấy tờ gì. Đến khoảng tháng 10/2013 bà đưa tiền cho con gái bà trả cho chị B 10.000.000đ tiền gốc và 1.500.000đ tiền lãi. Tổng cộng bà đã trả cho chị B khoản tiền vay lần 01 tổng cả gốc và lãi là 26.800.000đ, khi hoà giải tại Toà án bà nhớ nhầm là 28.000.000đ, khi trả lãi và gốc không viết giấy tờ gì. Đối với khoản tiền vay lần 2 và lần 3, bà chưa trả được tiền gốc và từ ngày vay bà đã trả được một số tháng tiền lãi, mỗi tháng trả hơn hai triệu, nhưng cụ thể bao nhiêu tiền thì bà không nhớ chính xác, khi trả tiền lãi hai bên không viết giấy tờ gì. Nay chị B yêu cầu bà trả 25.000.000đ tiền gốc, không yêu cầu tính lãi, bà không nhất trí. Vì bà đã trả cho chị B số tiền vay lần 01 cả gốc và lãi là 26.800.000đ. Bà chỉ nhất trí trả chị B số tiền gốc vay lần 02 và lần 03 là 15.000.000đ và bà trả dần hàng tháng.

Về tài liệu, chứng cứ: Chị Bùi Thị B cung cấp 02 giấy vay tiền bản gốc, 01 giấy vay tiền đề ngày 16/10/20002 với khoản vay 10.000.000 đồng và 01 giấy tiền đề ngày 15/4/2015 với khoản vay 10.000.000 đồng và khoản vay 5.000.000đ đề ngày 15/6/2015. Bà Hoàng Thị B không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Th- ký Toà án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử từ khi mở phiên toà đến khi kết thúc đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đ- ơng sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, chị Bùi Thị B khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị B trả số tiền vay gốc là 25.000.000đ đồng theo giấy vay tiền gốc ngày 16/10/2012, ngày 15/4/2015 và ngày 15/6/2015 là có căn cứ chấp nhận. Về ý kiến của bà Hoàng Thị B xác

định có vay tiền của chị B ba lần tổng là 25.000.000đ, nhưng khoản vay lần 01 là 10.000.000đ vào ngày 16/10/2012, bà đã trả cả gốc và lãi là 26.800.000đ, nên bà không nhất trí trả khoản vay lần một, quá trình giải quyết vụ án bà B không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Chị Bùi Thị B khởi kiện yêu cầu yêu cầu bà Hoàng Thị B trả số tiền vay gốc là 25.000.000đ đồng theo giấy vay tiền gốc ngày 16/10/2012, ngày 15/4/2015 và ngày 15/6/2015, không yêu cầu tính lãi. Các đương sự không đề nghị áp dụng thời hiệu. Như vậy xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện: Chị B xác định bà B vay của chị tổng số tiền là 25.000.000đ, lần 1 vay số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 16/10/2012, thời hạn vay 01 tháng; lần 2 vay 10.000.000 đồng vào ngày 15/4/2015, thời hạn vay 01 tháng; lần 3 vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 15/6/2015, không ghi thời hạn trả. Các lần vay bà B trực tiếp viết giấy vay tiền, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Từ khi vay tiền đến nay bà B không trả cho chị được số tiền gốc và tiền lãi nào, chị đã điện thoại và vào nhà bà B đòi tiền nhiều lần, nhưng bà B không trả tiền cho chị. Bà B xác định có vay tiền của chị B 03 lần như chị B đã trình bày, tổng số tiền là 25.000.000đ, nhưng bà B xác định đã trả khoản tiền vay gốc lần một ngày 16/10/2012 là 10.000.000đ và tiền lãi là 16.800.000đ, tổng cả gốc và lãi là 26.800.000đ và một số tháng tiền lãi của khoản vay lần 2 và lần 3, bà không nhớ chính xác là bao nhiêu, việc trả tiền gốc và tiền lãi không viết giấy tờ gì, chị B không thừa nhận, bà B không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Về lời khai của người làm chứng chị N, là con gái của bà B xác định bà B có vay của bà B 10.000.000đ, sau thời gian khoảng một năm mẹ chị đã đưa cho chị đi trả chị B số tiền gốc là 10.000.000đ, tiền lãi là 1.500.000đ, tổng cộng là 11.500.000đ, khi trả tiền 2 bên không viết giấy biên nhận trả tiền, chị nhớ là đã viết vào giấy vay tiền là đã trả tiền và gạch giấy vay tiền giữa mẹ chị và chị B, không xé giấy vay tiền. Nhưng tại giấy vay tiền ngày 16/10/2012 chị B cung cấp cho Tòa án chỉ thể hiện nội dung bà B vay của chị B số tiền 10.000.000đ, không thể hiện việc bà B đã trả số tiền này và không bị gạch xóa, lời khai của chị N không đủ căn cứ chứng minh, nên không có căn cứ chấp nhận. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, buộc bà B có nghĩa vụ trả cho chị B số tiền gốc là 25.000.000đ theo giấy vay tiền trên ghi ngày 10/6/2012, ngày 15/4/2015 và ngày 15/6/2015. Về lãi suất, bà B xác định đã trả tiền lãi của khoản vay lần một là 16.800.000đ và một số tháng tiền lãi của khoản vay lần 2 và lần 3 nhưng không nhớ là bao nhiêu, bà B không có tài liệu chứng cứ chứng minh, chị B xác định bà B chưa trả được số tiền lãi nào, đến nay chị B không yêu cầu tính lãi. Nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bà B về khoản tiền lãi.

Về án phí: Bà Hoàng Thị B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Các Điều 26, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị B.

Buộc bà Hoàng Thị B có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị B số tiền nợ gốc là 25.000.000đ (Hai mươi năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị B phải nộp 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Chị Bùi Thị B không phải chịu án phí, hoàn trả cho chị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.000đ (Sáu trăm hai mươi năm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N⁰ 0004962 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang.

3. Bị đơn có mặt tại phiên toà quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn vắng mặt khi tuyên án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đ-ơng sự;
- L-ụ hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Mạnh Tuấn